TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 131/2019/HC-PT
Ngày 21-6-2019
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông NTN;
Các Thẩm phán: Ông ĐBV;
Ông PHH.

- Thư ký phiên tòa: Bà NTBN - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà LTTH - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 413/2018/TLPT-HC ngày 11 tháng 12 năm 2018 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2018/HC-ST ngày 23-8-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6373/2019/QĐ-PT ngày 30-5-2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Vinh Q sinh năm 1955.

Trú tại xóm Xuân Đồng, xã Nghi Đức, thành phố V, tỉnh N, có mặt.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Hồng V - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N tham gia tố tụng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh N.

- Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh N.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Thanh T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tham gia tố tụng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 46 với đường ven sông Lam - Tiểu dự án thành phố V, đoạn qua xã Nghi Đức, thành phố V, tỉnh N. Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 01-3-2016 về việc thu hồi đất của các hộ dân xã Nghi Đức bị ảnh hưởng bởi dự án; trong đó thu hồi của ông Nguyễn Vinh Q diện tích 923,9m^2 tại 02 thửa (thửa số 215 diện tích 204,6m^2 và thửa số 229 diện tích 719,3m^2), tờ bản đồ số 12 tại xóm Xuân Đồng, xã Nghi Đức, thành phố V; đồng thời ban hành Quyết định số 1921/QĐ-UBND ngày 06-4-2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng cho các hộ dân. Trong đó có hộ ông Nguyễn Vinh Q được bồi thường chi phí đầu tư đất còn lại của 923,9m^2 đất bị thu hồi với số tiền 78.531.500 đồng.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ và không được hỗ trợ chuyển đổi nghề, hỗ trợ ổn định đời sống nên ông Nguyễn Vinh Q có đơn khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 5478/QĐ-UBND ngày 05-8-2016 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và không chấp nhận khiếu nại yêu cầu được hỗ trợ chuyển đổi nghề và hỗ trợ ổn định đời sống của ông Q.

Ngày 22-12-2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 9412/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất tại xã Nghi Đức, thành phố V.

Ông Nguyễn Vinh Q tiếp tục khiếu nại về việc cưỡng chế thu hồi đất và yêu cầu được bồi thường đất. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 17-3-2017 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và không chấp nhận khiếu nại yêu cầu được bồi thường đất của ông Nguyễn Vinh Q.

Ông Nguyễn Vinh Q tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh N. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N ban hành Quyết định số 3436/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Vinh Q (lần 2) và giữ nguyên các quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

Ngày 11-9-2017, ông Nguyễn Vinh Q có đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy:

- Quyết định số 3436/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Vinh Q (lần 2);

- Quyết định số 9412/QĐ-UBND ngày 22-12-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V việc cưỡng chế thửa đất số 215 và 229, tờ bản đồ số 20 tại xã Nghi Đức, thành phố V.

Hủy các quyết định hành chính liên quan gồm:

- Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 17-3-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu);

- Quyết định số 1921/QĐ-UBND ngày 06-4-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB dự án xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 46 với đường ven sông Lam... (phần đất nông nghiệp đợt 3) cho gia đình ông NguyễnVinh Q;

- Quyết định số 5478/QĐ-UBND ngày 05-8-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu);

Ngoài ra, ông Nguyễn Vinh Q còn khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N giải quyết đơn kiến nghị, tố cáo, khiếu nại của ông năm 2011 không đúng pháp luật, không công bằng.

Theo ông Nguyễn Vinh Q trình bày thì thửa đất số 124, tờ bản đồ số 2 (Đồng Chào) được chia cho 12 hộ gia đình theo Nghị định 64/CP. Khi thực hiện Chỉ thị 02/CT.TU về dồn điền đổi thửa thì thửa đất trên không giao cho ai vì năng suất thấp. Năm 2007, thấy đất bị bỏ hoang nên ông khai hoang, phục hóa cải tạo san ủi thành 02 thửa là thửa 215 và 229 để sản xuất (được sự đồng ý của ông Toàn xóm trưởng). Năm 2010, dự án tuyến đường nối Quốc lộ 46 đi qua, Ủy ban nhân dân thành phố V đã thu hồi đất của ông đang sử dụng diện tích 923,9 m^2 tại 02 thửa nhưng không được bồi thường về đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề, ổn định đời sống sản xuất, trong khi chưa làm thủ tục bồi thường lại cho san ủi phá lúa của ông và tổ chức cưỡng chế thu hồi hai thửa đất đối với gia đình ông; ông sử dụng hai thửa đất từ năm 2007 nhưng năm 2010 mới quy hoạch.

- Đại diện cho người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N trình bày: Quyết định số 3436/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Vinh Q (lần 2) không chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Vinh Q vì diện tích 923,9m^2 bị thu hồi tại 02 thửa 215 và 229, tờ bản đồ số 12 do ông Nguyễn Vinh Q tự ý sử dụng (trong tổng diện tích 2.858,5 m^2) năm 2007, sau ngày 01-7-2004, không phù hợp quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Ông Q không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không được bồi thường về đất theo Điều 75, Điều 77, Điều 82 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Căn cứ khoản 2 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2015 thì ông Q không đủ điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; Căn cứ Điều 84 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 thì ông Q không đủ điều kiện được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q.

Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố V và đại diện Chủ tịch Ủy ban nhân

dân thành phố V trình bày: Nhất trí với ý kiến trình bày của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N. Ủy ban nhân dân thành phố V vẫn giữ nguyên Quyết định số 1921/QĐ-UBND ngày 06-4-2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB dự án xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 46 với đường ven Sông Lam... (phần đất nông nghiệp đợt 3) cho gia đình ông Nguyễn Vinh Q; Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 17-3-2017 và Quyết định số 5478/QĐ-UBND ngày 05-8-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu); Quyết định số 9412/QĐ-UBND ngày 22-12-2016 của Chủ tịch UBND thành phố V việc cưỡng chế thửa đất số 215 và 229, tờ bản đồ số 20 tại xã Nghi Đức, thành phố V; Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 17-3-2017 giải quyết khiếu nại lần đầu và không chấp nhận khiếu nại yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề và hỗ trợ ổn định đời sống của ông Q. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vinh Q.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2018/HC-ST ngày 23-8-2018, Toà án nhân dân tỉnh N, đã căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ Điều 204; Điều 77; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 3 Điều 69; Điều 71 Luật đất đai năm 2013; Khoản 6 Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 19; Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2015 của Chính phủ.

Căn cứ Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Điều 32; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vinh Q về việc đề nghị Tòa án hủy bỏ: Quyết định số 3436/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Vinh Q (lần 2); Quyết định số 9412/QĐ-UBND ngày 22-12-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V việc cưỡng chế thửa đất số 215 và 229, tờ bản đồ số 20 tại xã Nghi Đức, thành phố V; và các quyết định hành chính liên quan gồm:

- Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 17-3-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu);

- Quyết định số 1921/QĐ-UBND ngày 06-4-2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB dự án xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 46 với đường ven sông Lam...(phần đất nông nghiệp đợt 3) cho gia đình ông Nguyễn Vinh Q;

- Quyết định số 5478/QĐ-UBND ngày 05-8-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu);

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04-9-2018, người khởi kiện là ông Nguyễn Vinh Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, kháng cáo đề nghị hủy bỏ các quyết định liên quan đến việc thu hồi; cưỡng chế thu hồi các thửa đất do ông có công khai hoang, cải tạo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thì việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; đề nghị không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện

Người khởi kiện yêu cầu hủy bỏ các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

Ngày 11-9-2017, ông Nguyễn Vinh Q có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3436/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N và Quyết định số 9412/QĐ-UBND ngày 22-12-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định. Tòa án nhân dân tỉnh N thụ lý, giải quyết là đúng pháp luật. Các quyết định hành chính liên quan khác được xem xét tính hợp pháp theo quy định.

[2]. Xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với Quyết định số 3436/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Vinh Q (lần 2).

Sau khi có khiếu nại của ông Nguyễn Vinh Q không đồng ý với các quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N đã có quyết định thành lập tổ kiểm tra liên ngành bao gồm các cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại. Căn cứ quy định của pháp luật và kết quả kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại; ngày 31-7-2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N đã ban hành Quyết định số

3436/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông Nguyễn Vinh Q là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại các điều 21, 40 Luật khiếu nại và Điều 204 Luật đất đai năm 2013.

Tại quyết định nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N đã quyết định giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V tại Quyết định số 5478/QĐ-UBND ngày 05-8-2016 và Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 17-3-2017 đối với khiếu nại của ông Nguyễn Vinh Q. Không đủ căn cứ pháp luật để bồi thường về đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, hỗ trợ ổn định đời sống cho gia đình ông Q khi nhà nước thu hồi diện tích đất 923,9 m^2 nông nghiệp gia đình ông Q đang sử dụng để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường nối quốc lộ 46 với đường ven sông Lam.

Về cơ sở pháp lý: Bản đồ đo đạc năm 1996 và hệ thống sổ giao đất theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ thì thửa đất ông Q khiếu nại thuộc thửa 124, tờ bản đồ số 2, có diện tích 2.578 m^2 giao khoán cho 12 hộ gia đình; đến năm 2002 thực hiện theo chỉ thị số 02/CT/TU ngày 05-4-2001 các hộ gia đình đã được chuyển đổi đất nơi khác, do đất xấu không năng suất nên bỏ hoang. Năm 2007, ông Q báo cáo với xóm và tiến hành san ủi, khai hoang, cải tạo từ một thửa thành hai thửa (215 và 229) tờ bản đồ số 12 và tiến hành sản suất trên thửa đất. Ngày 21-12-2009, Ủy ban nhân dân xã Nghi Đức có báo cáo đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố V xem xét cho phép để lại khu đất mà ông Q đang sản xuất làm quỹ đất công ích 5% của xã hoặc để bồi thường khi sử dụng đất nông nghiệp các vùng khác để xây dựng công trình công cộng. Ngày 04-3-2010, Ủy ban nhân dân thành phố V có Công văn số 578 đồng với đề nghị nêu trên. Ngày 25-10-2011, Ủy ban nhân dân tỉnh N có quyết định số 4522 phê duyệt dự án phát triển đô thị loại vừa tại Việt Nam - Tiểu dự án thành phố V. Ngày 28-9-2015, Ủy ban nhân dân thành phố V có Thông báo số 241 nội dung thông báo thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư để xây dựng tuyến đường nối quốc lộ 46 với đường ven Sông Lam - Tiểu dự án thành phố V đoạn qua xã Nghi Đức, thành phố V. Ngày 01-3-2016, Ủy ban nhân dân thành phố V có quyết định số 1137 về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng (phần đất nông nghiệp đợt 2). Ngày 06-4-2016, Ủy ban nhân dân có quyết định phê duyệt phương án chi tiết đợt 3. Hộ ông Q có 03 thửa đất bị ảnh hưởng; ông Q đồng ý nhận bồi thường tại thửa số 76, còn lại hai thửa 215 và 229, ông không đồng ý phương án bồi thường, không bàn giao mặt bằng.

Việc ông Q sử dụng diện tích 923,9m^2 đất nêu trên (sau ngày 01-7-2004) là không được giao đất theo quy định tại các điều 75, 77 và 82 Luật đất đai năm 2013, ông Q không được bồi thường về đất vì không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo quy định tại khoản 2 Điều 19; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014; các điều 83, 84 Luật đất đai thì ông Q không được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất nên không được hỗ trợ, đào tạo; vì thế, không

có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 3436/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N.

- Đối với Quyết định số 9412/QĐ-UBND ngày 22-12-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc cưỡng chế, thu hồi đất đối với hộ ông Q:

Ngày 06-4-2016, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 1921/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án xây dựng tuyến đường nối, đoạn qua xã Nghi Đức. Ông Q không đồng ý phương án bồi thường tại thửa đất số 215 và 229 tờ bản đồ số 12, thuộc xã Nghi Đức nên không nhận tiền, không bàn giao mặt bằng. Ngày 05-8-2016, Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định số 5478/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại nhưng sau đó, ông Q tiếp tục khiếu nại và không bàn giao mặt bằng thực hiện dự án. Căn cứ vào quy định tại khoản 6 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ liên quan đến việc cưỡng chế, thu hồi đất để thực hiện dự án, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 9412/QĐ-UBND ngày 22-12-2016 về việc cưỡng chế, thu hồi đất đối với hộ ông Q là đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 69 và Điều 71 Luật đất đai năm 2013.

- Đối với yêu cầu khởi kiện khi chưa làm thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng nhưng đã san ủi, gây thiệt hại tài sản của gia đình:

Yêu cầu nêu trên đã được xem xét, giải quyết tại Quyết định số 5478/QĐ-UBND ngày 05-8-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V. Nội dung này liên quan đến trách nhiệm của đơn vị thi công, Ban quản lý dự án và đã được các đơn vị liên quan giải trình; ông Q đã thống nhất cho đơn vị thi công sử dụng một phần diện tích đất để tiếp tục thực hiện việc thi công.

- Đối với các Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 17-3-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu); Quyết định số 1921/QĐ-UBND ngày 06-4-2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án xây dựng đối với hộ ông Q và Quyết định số 5478/QĐ-UBND ngày 05-8-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại các điều 18, 31 Luật khiếu nại; các điều 66, 204 và điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

Với các lý do nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vinh Q là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Q.

[3]. Về việc xác định tư cách đương sự

Người khởi kiện yêu cầu hủy bỏ các quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V và quyết định của

Ủy ban nhân dân thành phố V. Trong trường hợp này, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V và Ủy ban nhân dân thành phố V. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ủy ban nhân dân thành phố V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng. Ngoài việc xác định Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V là người bị kiện, Tòa án cấp sơ thẩm còn xác định Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không chính xác cần sửa lại phần này theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Mặc dù kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông Q là thương binh, là người cao tuổi nên thuộc đối tượng được miễn án phí.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; bác kháng cáo của ông Nguyễn Vinh Q và giữ nguyên quyết định của Bản án số 07/2018/HC-ST ngày 23-8-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

2. Miễn án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Vinh Q. Trả lại ông Q 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp ngày 21-9-2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh N.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Cục THA dân sự tỉnh N;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NTN